

## TỪ LỄ HỘI ĐẾN CHỢ HỘI - MỘT GIẢI PHÁP BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ CỦA HAI DÂN TỘC TÀY, NÙNG Ở LẠNG SƠN

HOÀNG NAM

Trong bài viết này, tôi chỉ trình bày một số suy nghĩ, một cái nhìn về sự phát triển từ lễ hội đến chợ hội (*háng lượn*) của hai dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn. Để có cơ sở tìm hiểu sự phát triển này, trước hết xin trình bày một số nét cơ bản về địa lý tự nhiên của Lạng Sơn; về người Tày, người Nùng và về nghề nghiệp làm ăn chính của họ - được coi là nền tảng vật chất của quá trình hình thành và phát triển lễ hội và chợ hội.

### 1. Địa lý tự nhiên

Lạng Sơn có diện tích tự nhiên 8.1x87km<sup>2</sup>, nằm ở vị trí địa lý 21<sup>0</sup>19" đến 22<sup>0</sup>27" vĩ độ Bắc, và 106<sup>0</sup>06" đến 107<sup>0</sup>21" kinh độ Đông. Lạng Sơn là tỉnh miền núi, với địa hình phổ biến là các đồi núi thấp; đa số độ cao so với mặt biển là từ 300 đến 700m. Có một số núi cao như núi đất Mẫu Sơn, núi đá Bắc Sơn. Địa hình Lạng Sơn được chia thành 2 nửa với hai hướng dốc khác nhau: nửa phía Đông với máng trũng Lộc Bình, Thất Khê, có hướng dốc Đông Nam- Tây Bắc; nửa phía Tây với vùng núi đá vôi Bắc Sơn, có hướng dốc là Tây Bắc- Đông Nam. Trong tỉnh, có những thung lũng và cánh đồng lòng chảo như cánh đồng Lộc Bình, cánh đồng Thất Khê...

Lạng Sơn là nơi cửa ngõ đón các khối không khí lạnh của gió mùa Đông Bắc, nên mùa đông ở đây kéo dài 5 tháng. Nhiệt độ trung bình của tháng lạnh nhất trong năm (tháng Một) là 12<sup>0</sup>-15<sup>0</sup>, có nơi có

tuyết (đỉnh Mẫu Sơn). Nhiệt độ trung bình của tháng nóng nhất trong năm (tháng Bảy) là 27<sup>0</sup>.

Lạng Sơn là tỉnh biên giới, có đường biên giáp với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, dài 253km. Trên khu vực đường biên, có nhiều cửa khẩu lớn, như cửa khẩu Hữu Nghị (ở Nam Quan), cửa khẩu Tân Thanh, cửa khẩu Chi Ma. Ngoài ra, còn nhiều đường mòn qua lại biên giới và nhiều *cặp* chợ biên giới khác nhau. Các cửa khẩu này, cùng với các *cặp* chợ biên giới, có ý nghĩa quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hoá đối với các dân tộc ở Lạng Sơn.

### 2. Con người

Năm 1926, Lạng Sơn có 85.000 người<sup>(1)</sup>, còn theo Tổng điều tra dân số năm 1999, tỉnh có 703.824 người, với 7 dân tộc cùng sinh sống, gồm: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Hoa, Sán Chay, Hmông. Trong số các dân tộc, người Tày, Nùng có số dân đông nhất: 555. 215 người, chiếm 80% dân số toàn tỉnh. Đây cũng là tỉnh có số người Tày, Nùng đông nhất cả nước.

Người Tày, Nùng có mặt ở Lạng Sơn từ rất sớm, tham gia vào việc lập ra chợ Kỳ Lừa (*Háng Khau Lừa*), với những tên đường phố bằng tiếng dân tộc Tày, Nùng như: Chính Cai, Nam Cai, Đông Cai, Bắc Cai, Tây Cai,...(Theo tiếng Nùng, *Kha Cai*

<sup>1</sup> Từ điển Văn hoá cổ truyền Việt Nam, Nxb. Văn hoá dân tộc, H. 2002.

ngĩa là đường phố). Trong suốt mấy thế kỷ qua, do quan hệ sống cộng cư với nhau và với dân tộc Kinh, đã diễn ra quá trình tộc người tự nhiên, đó là quá trình người Tày chuyển biến thành người Nùng, người Nùng chuyển biến thành người Tày; có nơi dọc biên giới, tiếng Tày và tiếng Nùng không còn có sự khác biệt. Mặt khác, có nhiều lưu quan của các triều đình phong kiến Việt Nam vốn là người Kinh, lên ở Lạng Sơn lâu đời cũng trở thành người Nùng hoặc người Tày.

Nhiều người Nùng hiện nay ở Lạng Sơn có nguồn gốc từ Nam Trung Quốc, di chuyển vào sinh sống ở Việt Nam cách ngày nay khoảng 200-300 năm. Cùng là dân tộc Nùng, nhưng do di cư vào Việt Nam từ những địa phương khác nhau ở Trung Quốc, nên đôi khi, đồng bào tự gọi tên dân tộc mình kèm theo tên địa danh tại quê cũ, như: Nùng Inh (gốc từ Long Anh), Nùng Phàn Slinh (gốc từ Vạn Thành), Nùng Cháo (gốc từ Long Châu). Mối quan hệ thân tộc, đồng tộc qua biên giới này đã góp phần sớm khai thông giao lưu buôn bán giữa Lạng Sơn nói chung và các dân tộc Tày, Nùng nói riêng với bên Trung Quốc.

### 3. Nghề nghiệp

Sinh sống ở vùng nhiều đất đồi núi, ít đất bằng, dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn vừa làm ruộng nước, vừa làm nương rẫy. Ruộng được khai phá ở các lòng chảo giữa núi, thung lũng các dòng sông, ven các sông, suối lớn để cấy lúa; nương được khai phá ở trên đất đồi để trồng lúa nương hoặc trồng ngô. Trồng lúa nước là nghề chính, còn làm nương chỉ để phòng khi lúa nước

thất bát, mất mùa. Do ở vùng khí hậu lạnh nên trong canh tác truyền thống, đồng bào Tày, Nùng chỉ cấy được một vụ lúa, hoặc trồng một vụ ngô vào mùa hè thu khi trời ấm áp, phù hợp với sự phát triển của các cây trồng nêu trên.

Ngoài việc trồng cây lương thực, người Tày, Nùng ở Lạng Sơn còn trồng các cây công nghiệp lâu năm trên các sườn đồi. Cây công nghiệp có giá trị nhất ở đây là cây hồi (*co mac chác*). Những cánh rừng hồi bạt ngàn ở các huyện Văn Quan, Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình được trồng từ hàng trăm năm trước, nay vẫn đang được đồng bào chăm sóc và phát triển. Điều đó chứng tỏ vị trí của nó trong đời sống đồng bào Tày, Nùng; mặt khác, đây còn do nhu cầu của xã hội về sản phẩm hồi, mà thị trường chính là Trung Quốc và Pháp.

Điều kiện địa lý tự nhiên và nghề nghiệp của dân tộc Tày, Nùng là nền tảng vật chất của các lễ hội và chợ hội. Trước khi trình bày nội dung này, cần thống nhất cách hiểu các thuật ngữ về *lễ hội* và *chợ hội*.

*Lễ hội* là thuật ngữ ghép, gồm 2 từ *lễ* và *hội*. Hai từ này có khái niệm nội hàm khác nhau, nhưng lại quan hệ chặt chẽ với nhau. *Lễ* được hiểu là nghi thức cúng bái, là phép ứng xử của con người với các thần linh. Người chủ trì thực hiện lễ là các thầy cúng cao tay. Thầy cúng đại diện cho dân làng tiếp xúc với thần linh. Phương tiện giao tiếp giữa thầy cúng với thần linh là âm thanh của náo bạt, thanh la, là lời khấn của thầy cúng. Ở lễ, người ta cầu khấn nhờ thần linh phù hộ cho mùa màng được bội thu, cho đàn gia súc phát triển,

cho xóm làng bình yên. Lễ lúc nào cũng mang màu sắc tín ngưỡng, nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh của đồng bào. Qua làm lễ, từng cá nhân trong cộng đồng cảm thấy mình đã làm được một việc tốt, do đó, tâm hồn cảm giác thanh thản, nhẹ nhàng và tự tin rằng vị trí của mình được xác định, được ổn định trong thế giới tâm linh, từ đó vững tâm làm ăn trong đời sống.

*Hội* là cuộc vui tự nhiên, cởi mở của toàn cộng đồng. Tham gia hội là tất cả các thành viên của cộng đồng trong bản, hoặc thuộc nhiều bản khác nhau, không phân biệt tuổi tác, giới tính, giàu nghèo. Họ đến hội một cách hào hứng với tâm hồn thăng hoa, với niềm hy vọng được cùng bạn bè vui chơi hết mình. Nam nữ thanh niên coi đây là dịp gặp gỡ, giao lưu tình cảm.

Lễ và hội có quan hệ hữu cơ, nhân quả với nhau. Chúng ta có thể hiểu lễ là phần đạo, là ước mơ gửi tới các thần linh, mong được các thần linh phù hộ, độ trì; còn hội là phần đời, là cuộc sống thực tại, là sự hoà nhập, cộng cảm của toàn thể cộng đồng. Càng tin vào lễ, càng đến dự hội nhiều, thì uy tín của lễ càng lớn.

*Chợ hội* cũng là thuật ngữ gồm 2 từ: *chợ* và *hội*. *Chợ* (*háng*) được đồng bào hiểu là nơi mua bán hàng hoá. Chợ vùng đồng bào Tày, Nùng được họp theo phiên tại một địa điểm nhất định. Theo truyền thống, các chợ họp quanh năm vào các ngày khác nhau trong tháng và cứ 5 ngày/phiên. Như vậy, trong một năm, mỗi chợ có nhiều ngày họp, nhưng đồng bào quy định mỗi chợ chỉ 1 hoặc 2 ngày gọi là ngày chợ hội (*háng lượn*). Chợ hội được tổ

chức vừa có mục tiêu mua bán hàng hoá, vừa có mục đích vui chơi cho mọi người trong vùng. Người đi chợ hội, tùy từng nghề nghiệp và lứa tuổi, có mục đích khác nhau. Người sản xuất, người buôn bán hàng tiêu dùng, người làm dịch vụ ăn uống ở chợ thì tranh thủ bán được nhiều hàng. Những người trung niên coi chợ hội là cơ để đi thư giãn, tách mình khỏi môi trường gia đình, tìm gặp bạn bè thăm hỏi nhau, đắm mình trong không khí vui chung của cộng đồng, và ăn uống, thiết đãi nhau vui vẻ. Với các chàng trai, cô gái đang tuổi lớn, mong muốn tìm bạn đời thì chợ hội là nơi hò hẹn với bạn cũ và dịp gặp gỡ nhiều bạn bè mới, và mọi người đều mong muốn có cơ may tìm gặp được bạn tâm đầu ý hợp với nhau. Một số bài viết trên các sách báo đã cực đoan khi miêu tả nam nữ thanh niên đi chợ hội bày tỏ tình cảm với nhau, gọi đó là *chợ tình*.

Giữa lễ hội và chợ hội có điểm giống nhau và khác nhau. Điểm giống nhau: cả lễ hội và chợ hội đều có mục tiêu tạo sự vui chơi thoải mái cho cộng đồng. Người đến với lễ hội, hay chợ hội đều luôn ở trạng thái hưng phấn và sẵn sàng hoà nhập vào cộng đồng, góp vui với cộng đồng và hưởng cái vui của cộng đồng; mỗi lễ hội gặp bạn chơi, được vui chơi hết mình, đối với họ là một kỷ niệm khó quên. Điểm khác nhau giữa lễ hội và chợ hội là: lễ là công việc của thầy cúng, mang tính tín ngưỡng, tâm linh và người đến dự lễ thường là người đứng ngoài cuộc, chỉ biết bày tỏ ước nguyện của mình với thần linh, cầu mong được thần linh phù hộ; còn chợ là nơi thực hiện việc mua bán trao đổi

hàng hoá, và người đến chợ được tự do mua bán, tự mình thực hiện ước nguyện của mình. Quy mô tổ chức lễ hội là làng và tên lễ hội gắn với tên làng; còn quy mô tổ chức chợ hội là trung tâm địa lý cả một vùng.

Ở Lạng Sơn, hai dân tộc Tày và Nùng sống xen kẽ với nhau, có nhiều nét sinh hoạt và tập quán giống nhau trong đời thường cũng như trong cuộc sống tâm linh. Lễ hội và chợ hội là những sinh hoạt chung của cả hai dân tộc.

Lạng Sơn có nhiều lễ hội dân gian truyền thống. Có thể kể ra đây một số lễ hội sau:

Lễ hội Búng Kham (xã Đại Đồng, huyện Tràng Định) là lễ hội cầu mùa được tổ chức vào ngày 4 tháng Giêng hàng năm. Đối tượng thờ cúng là thổ công, thần Tiên và thần Nông. Nội dung bài cúng là cầu cho quốc thái dân an, mưa gió thuận hoà, mùa màng tươi tốt, chăn nuôi phát đạt, làng bản yên vui, mọi nhà đều ấm no hạnh phúc<sup>(2)</sup>.

Lễ hội Bản Chu (xã Hưng Đạo, huyện Bình Gia) là lễ hội xuống đồng, cầu mùa, được tổ chức vào ngày 4 tháng Giêng hàng năm. Đối tượng thờ cúng là thần Nông và Thành Hoàng. Nội dung bài cúng: cầu mong các vị Thành Hoàng, thần linh phù hộ độ trì cho dân bản được mùa, một năm sản xuất mưa thuận gió hoà, trồng gì được nấy, ngô khoai đầy sào, thóc gạo đầy bồ, dưới sào đầy gà vịt, lợn béo, trâu đầy đàn... và cầu xin thần linh xua đuổi tà ma, quỷ dữ không về quấy rối dân bản, để

cho người già yên bụng, trẻ em không quấy khóc<sup>(3)</sup>.

Lễ hội Đồng Bằng (xã Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn) là lễ hội mang tính chất cầu mùa, được tổ chức vào một ngày sau Tết Nguyên Đán, do thầy cúng chọn. Sau ngày hội, mọi người mới được cày bừa ruộng vườn<sup>(4)</sup>.

Lễ hội chùa Bắc Nga (Thiên Nga Tự) (xã Gia Cát, huyện Cao Lộc) được tổ chức vào ngày 15 tháng Giêng hàng năm. Nội dung: thờ Tiên, thờ Phật, cầu mong Tiên Phật phù hộ cho dân làng được bình an hạnh phúc<sup>(5)</sup>.

Lạng Sơn có nhiều chợ hội. Có thể kể ra một số chợ hội như sau:

Chợ hội Diêm He (*háng lượn* Nà He): nằm trên quốc lộ 1B, cách Đồng Đăng 19 km. Chợ được họp quanh năm, 5 ngày/phiên vào ngày 5 và ngày 10 hàng tháng, (nếu tháng thiếu thì họp vào ngày 29), nhưng chợ hội mỗi năm chỉ họp 1 lần vào ngày 15 tháng Giêng âm lịch. Chợ hội khác chợ phiên: ở chợ hội, việc mua bán hàng hoá được tăng lên rất nhiều, bởi lẽ, người đi chợ đông hẳn lên. Mọi người đi chợ đều phải ăn quà, nhiều người còn mua những hàng tiêu dùng đẹp để dùng, để tặng bạn. Vì vậy, vào ngày chợ hội, những người buôn bán hàng tiêu dùng thường đem đến chợ nhiều hàng đẹp, mới lạ để bán và họ thường bán được gấp đôi, gấp ba so với chợ phiên thường. Những chủ nhà hàng ăn cũng chuẩn bị nhiều thức ăn

<sup>3</sup> S.d.d, tr.45.

<sup>4</sup> S.d.d, tr.54.

<sup>5</sup> S.d.d, tr. 185.

<sup>2</sup> Lễ hội dân gian Lạng Sơn, Lạng Sơn 2002, tr.37.

ngon và cũng bán được nhiều hàng hơn phiên thường.

Chợ hội Ba Xã (*háng lượn* Ba Xã): chợ phiên họp vào ngày 2, ngày 7 hàng tháng; còn chợ hội Ba Xã thì mỗi năm họp 2 lần vào ngày 27/3 và 14/4 Âm lịch. Chợ Ba Xã cách tỉnh lỵ 28km, cách Chợ Điem He 12km, không nằm trên đường quốc lộ, mà nằm trên trục tỉnh lộ. Về địa lý, chợ Ba Xã nằm trên cánh đồng, là trung tâm cả một vùng, phải chăng do vậy mà chợ Ba Xã có 2 ngày chợ hội trong một năm.

Chợ hội Kỳ Lừa (*háng lượn* Khau Lừa) là chợ tỉnh lỵ. Chợ phiên của chợ Kỳ Lừa cũng họp vào các ngày 2, ngày 7 như chợ Ba Xã; còn chợ hội Kỳ Lừa cũng tổ chức vào 27 tháng Giêng.

Nhìn từ góc độ lịch sử phát triển loài người, chúng ta biết, mối liên hệ nội tại chính trong các cộng đồng người được phát triển qua các thời kỳ, được thể hiện bằng những mối quan hệ mang tính đặc trưng: xã hội thị tộc - bộ lạc có liên hệ nội tại đặc trưng là quan hệ huyết tộc (*Một giọt máu đào hơn ao nước lã*); xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến (xã hội tiên công nghiệp) có liên hệ nội tại đặc trưng là quan hệ láng giềng (*Bán anh em xa mua láng giềng gần*); xã hội công nghiệp có liên hệ nội tại đặc trưng là quan hệ kinh tế (*Tiền trao, cháo múc*).

Từ nhận thức quy luật phát triển xã hội qua các mối quan hệ đặc trưng như trình bày ở trên, so sánh với mục tiêu và

quy mô tổ chức lễ hội và chợ hội, ta có thể hiểu rằng, lễ hội với nội dung mang tính tín ngưỡng, tâm linh và được tổ chức ở quy mô làng là đặc trưng của xã hội tiên công nghiệp, coi quan hệ láng giềng là quan hệ cơ bản của cộng đồng. Còn chợ hội, với nội dung mua bán hàng hoá được quan tâm, và được tổ chức ở quy mô vùng, là biểu hiện của xã hội lấy quan hệ kinh tế làm trọng.

Chợ hội dân gian truyền thống và hội chợ thời nay, hội chợ cấp tỉnh, cấp khu vực, quốc gia và quốc tế, tuy khác nhau về quy mô (chợ hội do dân gian tổ chức, còn hội chợ do Nhà nước tổ chức) nhưng có sự trùng hợp về bản chất, ý nghĩa, về giá trị lịch sử. Đó là: chợ hội và hội chợ đều có mục đích bán hàng, kích thích phát triển sản xuất nhiều hàng hoá để bán, phục vụ đời sống con người. Với cách nhìn như trên, tôi nghĩ rằng, lễ hội và chợ hội của hai dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn tuy đang tồn tại, nhưng sự xuất hiện hình thức chợ hội đã gợi mở cho ta con đường phát triển: chợ hội là giải pháp trung gian chuyển tiếp từ lễ hội sang hội chợ hiện đại, mà dân gian đã chọn ra. Chợ hội dân gian và hội chợ do Nhà nước tổ chức đều có khả năng vừa đáp ứng được nhu cầu bảo tồn giá trị văn hoá dân tộc: vui chơi, giải trí, gặp gỡ, làm quen, kết bạn, thăm hỏi nhau của người dân; vừa đáp ứng được nhu cầu mua bán hàng hoá, hướng tới phát triển kinh tế, phù hợp với quy luật khách quan phát triển của xã hội.